

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/DS-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quang và ông Đinh Xuân

Dậu.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Ông Trần Phú Lộc- Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thái Hảo- Cán
bộ Tòa án nhân dân Khu vực 3-Đồng Nai.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3-Đồng
Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 405/2024/TLST-DS ngày
11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 242/2025/QĐST-DS ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh năm 1964.

Hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: Tổ D, ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng
Nai. (nay là tổ D, ấp C, xã A, tỉnh Đồng Nai).

Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980. Cư
trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (nay là ấp T, xã A, tỉnh Đồng Nai).

- **Bị đơn:**

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh
Đồng Nai. (nay là ấp C, xã A, tỉnh Đồng Nai)

+ Ông Phạm Tấn L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ B, ấp I, xã H, huyện T,
tỉnh Đồng Nai. (Nay là xã D, tỉnh Đồng Nai).

(Ông H có mặt, bà H1 xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Đức H trong
quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày:** Ngày 11/3/2021, bà N
có cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Phạm Tấn L vay nhiều lần với tổng số tiền
1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu) đồng tiền mặt, việc vay tiền có lập Giấy
vay mượn tiền ngày 11/3/2021. Lãi suất thỏa thuận miệng 1,6%/tháng. Thời hạn
vay: 1 tháng. Đã quá thời hạn vay nhưng bà H1 và ông L vẫn không trả tiền gốc
và lãi cho bà N. Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 bà N yêu cầu ông L và bà

H1 trả cho bà số tiền 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 888.000.000 đồng tiền lãi (tạm tính từ tháng 3/2021 đến tháng 4/2024 là 37 tháng x 1,6%). Ngày 22/7/2025 bà N có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, với nội dung sau:

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Phạm Tấn L phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền gốc 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu) đồng theo Giấy vay mượn tiền ngày 11/3/2021 và tiền lãi 01 tháng chưa trả lãi tính từ ngày 11/3/2021 đến tháng ngày 11/4/2021-1.500.000.000đ x 1,6% x 01 = 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) cho bà N. Như vậy, tổng số tiền bà N yêu cầu bà H1 và ông L liên đới trả cho bà N số tiền là 1.500.000.000đ + 24.000.000đ = 1.524.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu đồng);

Hiện tại bà H1 đã trả nợ cho bà N, vì vậy nay bà N rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H1. Nay bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông L phải trả cho bà N số tiền gốc là 750.000.000 đồng và 24.000.000 đồng tiền lãi.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trong quá trình tố tụng đã trình bày:

Bà H1 thừa nhận ngày 11/3/2021 bà và ông L có ký vào “GIẤY VAY MƯỢN TIỀN” của bà N với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng. Hiện tại bà H1 đã trả hết phần nợ của bà H1 cho bà N, nay bà N đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ của bà H1, vì vậy bà H1 cũng không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này nữa.

- Bị đơn ông Phạm Tấn L trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa ông L đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành giám định, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài nhưng ông L vẫn không đến Tòa án làm việc và tham gia các phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 cư trú tại: Tổ H, ấp C, xã A, tỉnh Đồng Nai. Ông Phạm Tấn L cư trú tại: Tổ B, ấp I, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã D, tỉnh Đồng Nai). Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào điểm h khoản 1 điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Trảng Bom theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

[1.2]. Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Tấn L trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa ông L đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành giám định, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài nhưng ông L vẫn không đến Tòa án làm việc và tham gia các phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả tiền gốc thì thấy: Ngày 11/3/2021 giữa ông Phạm Tấn L và bà Nguyễn Thị H1 có phát sinh giao dịch

“GIẤY VAY MƯỢN TIỀN” với bà Nguyễn Thị Nguyệt N. Trong giấy vay mượn tiền có thoả thuận ông L, bà H1 có vay của bà N số tiền 1.500.000.000 đồng; Thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày ký giấy mượn tiền; không thoả thuận lãi suất. Trong quá trình làm việc bà H1 cũng thừa nhận và đã thống nhất hoà giải trả phần nợ của bà H1 cho bà N, bà N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện với bà H1. Vì vậy, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà H1. Nay bà N yêu cầu ông L phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và 24.000.000 đồng tiền lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện ông Phạm Tấn L, HĐXX xét thấy, theo kết luận giám định số 370/KL-KTHS ngày 24/6/2025 của Phân viện KHHS tại TP . Hồ Chí Minh đã kết luận: *[Chữ ký đứng tên Phạm Tấn L dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Phạm Tấn L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1; chữ ký dưới mục “Người khai ký tên” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra]*. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[1.4]. Xét yêu cầu trả tiền lãi của bà N thì thấy: Trong “GIẤY VAY MƯỢN TIỀN” ngày 11/3/2021 không ghi lãi suất. Nay bà N yêu cầu ông L trả tiền lãi, tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày 11/4/2021 là: $1.500.000.000 \times 1,6\% \times 01 \text{ tháng} = 24.000.000$ đồng (hai mươi bốn triệu đồng). HĐXX xét thấy: Tại bản trình bày ý kiến ngày 15/7/2025 của bà Nguyễn Thị H1, bà H1 yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này, vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Theo giấy vay tiền đề ngày 11/3/2021, thời hạn cho vay trong hợp đồng vay là 01 tháng (tức là đến ngày 11/4/2021 khi các bên không trả nợ như đúng hẹn thì nguyên đơn có quyền khởi kiện). Do vậy, thời hiệu khởi kiện của vụ án này là từ ngày 12/4/2021 đến ngày 12/4/2024. Theo đơn khởi kiện Toà án nhận ngày 11/11/2024. Do vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án này đã hết. Theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III, giải đáp số 02/TANDTC-PC, ngày 02/8/2021 của Toà án nhân dân tối cao thì thấy: *“...Theo quy định Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”. Do đó, Ngân hàng có thể khởi kiện ông A yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không...”*. Do vậy, áp dụng tương tự trong vụ án này, quan hệ pháp luật được xác định là đòi lại tài sản, nên yêu cầu đòi tiền lãi của bà N là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Phạm Tấn L trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

[1.5]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt N không phải chịu án phí DSST.

Ông Phạm Tấn L phải chịu 34.000.000 đồng án phí DSST.

[1.6]. Về chi phí tố tụng: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ; chi phí đăng báo, đài, chi phí giám định. Tổng cộng hết 24.311.000 đồng. Bà N đã nộp đủ các chi phí trên. Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên ông Phạm Tấn L phải thanh toán toàn bộ các chi phí trên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Đồng Nai: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Nguyễn Thị H1.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26; điều 147; điều 266; điều 271; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự 2015:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt N đối với ông Phạm Tấn L về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc ông Phạm Tấn L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N số tiền đã vay là 750.000.000 đồng (B trăm năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt N đối với ông Phạm Tấn L về việc buộc ông L trả số tiền lãi 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Nguyệt N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông Phạm Tấn L chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt N đối với bà Nguyễn Thị H1 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

3. Về án phí:

Ông Phạm Tấn L phải chịu 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Tấn L phải trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N số tiền 24.311.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn đồng).

5. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV3-Đồng Nai;
- Phòng THADS KV3-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh